

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Trung Trực**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hoàng Thị An**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Trung** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện ĐA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tám** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐA xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 178/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐ-HPT ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Địa chỉ: Số 2 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông **Tiết Văn Thành**, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trịnh Xuân L**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐA. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông **Lê Quang T**, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch LH – Chi nhánh ĐA.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Chu P**, sinh năm 1955.

2.2. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1953.

2.3. Ông **Nguyễn Chu C**, sinh năm 1975.

2.4. Ông **Nguyễn Chu H**, sinh năm 1978.

2.5. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1980.

2.6. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Chu K, sinh năm 2001.

3.2. Cháu Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 2007.

Đều có địa chỉ: thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

4. Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Thị Kim T2 là: bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Chu C, sinh năm: 1975. Đều có địa chỉ: thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt: ông T

Tại phiên tòa vắng mặt: ông P, bà X, ông C, ông H, bà H1, bà T1, anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2020, những lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Nguyên đơn là ông Lê Quang T trình bày:

Ngày 13/10/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐA (gọi tắt là “Agribank Chi nhánh ĐA”) và bà Nguyễn Thị T1 (là đại diện theo Giấy ủy quyền do UBND xã VH xác nhận ngày 21/09/2017) ký Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201705502 với một số nội dung chính như sau:

Hạn mức cho vay	6,000,000,000 đồng (Sáu tỷ đồng)
Thời hạn của hạn mức tín dụng	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng
Mục đích vay vốn	Kinh doanh gỗ
Lãi suất trong hạn và kỳ điều chỉnh	Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9%/năm. Lãi suất cho vay có điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần không vượt quá quy định lãi suất cho vay của Agribank, phù hợp với quy định lãi suất cho vay của Agribank chi nhánh ĐA từng thời kỳ, được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Hai bên thống nhất trong thời gian vay vốn, việc điều chỉnh lãi suất không cần hai bên ký phụ lục hợp đồng, bên A (ngân hàng) sẽ chủ động thực hiện và thông báo cho bên B (bên vay) bằng văn bản.
Lãi suất quá hạn	Bằng 150% mức lãi suất trong hạn
Tài sản bảo đảm	Toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3TB, diện tích 246 m ² và tài sản trên đất tại địa chỉ thôn TB, xã VH, Huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 082947 do Ủy

	ban nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/02/1998 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Chu P.
--	--

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Agribank Chi nhánh ĐA – phòng giao dịch LH đã giải ngân 07 lần cho bà Nguyễn Thị T1, cụ thể:

Lần 1: Ngày 01/03/2018 giải ngân 1.000.000.000 đồng; ngày đến hạn là 30/7/2021; đã trả nợ gốc 535.240.000 đồng, nợ gốc còn nợ là 464.760.000 đồng.

Lần 2: Ngày 04/04/2018 giải ngân 660.000.000 đồng; ngày đến hạn là 04/10/2018; chưa trả gốc.

Lần 3: Ngày 09/04/2018 giải ngân 450.000.000 đồng; ngày đến hạn là 09/10/2018; chưa trả nợ gốc.

Lần 4: Ngày 11/4/2018 giải ngân 1.100.000.000 đồng; ngày đến hạn là 11/10/2020; chưa trả nợ gốc.

Lần 5: Ngày 16/04/2018 giải ngân 1.500.000.000 đồng; ngày đến hạn là 16/10/2018; chưa trả nợ gốc.

Lần 6: Ngày 26/04/2018 giải ngân 1.000.000.000 đồng; ngày đến hạn là 26/10/2020; chưa trả nợ gốc.

Lần 7: Ngày 10/5/2018 giải ngân 340.000.000 đồng; ngày đến hạn là 10/11/2018; chưa trả nợ gốc..

Ngày 30/07/2021, Agribank Chi nhánh ĐA và bà Nguyễn Thị T1 ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201705502/PLHĐ 01 về việc gia hạn nợ gốc, lãi cho bà Nguyễn Thị T1. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T1 đã trả cho phía Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi nhiều lần, ngày cuối cùng là ngày 29/6/2020. Tổng cộng bà T1 đã trả cho phía Ngân hàng 535.240.000 đồng tiền nợ gốc và 178.412.037 đồng. Ngày 30/7/2021, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho phía Ngân hàng.

Tính đến ngày 29/04/2022, tổng dư nợ gốc và lãi của bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C còn nợ Agribank Chi nhánh ĐA là **7.792.791.008** (bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm linh tám) đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là **5.514.760.000** đồng; số tiền lãi là **2.278.031.008** đồng (số tiền lãi trong hạn: **1.508.825.558** đồng; số tiền lãi quá hạn: **655.598.027** đồng; số tiền lãi chậm trả lãi: **113.607.424** đồng).

Agribank Chi nhánh ĐA đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như cử đại diện làm việc với bà Nguyễn Thị T1 (đại diện theo ủy quyền vay vốn), tuy nhiên bà Nguyễn Thị T1 vẫn không trả đầy đủ số tiền nợ với ngân hàng. Do vậy, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Nay Agribank khởi kiện bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 29/04/2022 tại Agribank Chi nhánh ĐA là **7.792.791.008** (bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm linh tám) đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là **5.514.760.000** đồng; số tiền lãi là **2.278.031.008** đồng (số tiền lãi trong hạn: **1.508.825.558** đồng; số tiền lãi quá hạn: **655.598.027** đồng; số tiền lãi chậm trả lãi: **113.607.424** đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C phải trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 30/4/2022 cho đến khi T2 toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C không thực hiện nghĩa vụ T2 toán khoản nợ nêu trên và lãi, phí phát sinh thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 1068/TC/2016, Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 07/09/2016 tại Văn phòng công chứng ĐA để trả nợ Ngân hàng.

- Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ T2 toán hết khoản nợ gốc và lãi, phí phát sinh thì bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là: bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C, anh Nguyễn Chu K Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia tố tụng và tranh tụng nhưng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C, anh Nguyễn Chu K đều không có mặt, không có lời khai, không tham gia các giai đoạn tố tụng của vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án không lấy được ý kiến của bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C, anh Nguyễn Chu K.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên và đưa ra yêu cầu số tiền đến ngày xét xử đề nghị Bị đơn phải trả. Bị đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp

luật của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tính đến ngày 29/04/2022 tại Agribank Chi nhánh ĐA là **7.792.791.008** (bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm linh tám) đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là **5.514.760.000** đồng; số tiền lãi là **2.278.031.008** đồng (số tiền lãi trong hạn: **1.508.825.558** đồng; số tiền lãi quá hạn: **655.598.027** đồng; số tiền lãi chậm trả lãi: **113.607.424** đồng) và tiếp tục phải trả tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 30/4/2022 cho đến khi T2 toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp Bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của Nguyên đơn thì Nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C T2 toán số tiền nợ và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại huyện ĐA, thành phố Hà Nội, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh do vậy, Tòa án nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và ý kiến của chính quyền xác nhận hiện nay trên nhà đất ông Nguyễn Chu P đang quản lý, sử dụng gồm có 06 người là: bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu C, anh Nguyễn Chu K, cháu Nguyễn Thị Kim T2 sinh sống, ngoài ra không còn ai khác. Vì vậy, Tòa án đưa anh Nguyễn Chu K, cháu Nguyễn Thị Kim T2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho cháu T2 là: bà Nguyễn Thị T1; ông Nguyễn Chu C. Tại các phiên tòa, Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã

được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C, anh Nguyễn Chu K theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho họ là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, yêu cầu Bị đơn phải trả Nguyên đơn tổng số tiền là **7.792.791.008** (bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm linh tám) đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là **5.514.760.000** đồng; số tiền lãi là **2.278.031.008** đồng (số tiền lãi trong hạn: **1.508.825.558** đồng; số tiền lãi quá hạn: **655.598.027** đồng; số tiền lãi chậm trả lãi: **113.607.424** đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 30/4/2022 cho đến khi Bị đơn T2 toán hết khoản nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng, xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số **3140-LAV-201705502** ngày 13/10/2017 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐA và bà Nguyễn Thị T1 (là đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C) có nội dung: Hạn mức cho vay: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), mục đích sử dụng tiền vay: kinh doanh gỗ; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9%/năm, phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cho vay có điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần không vượt quá không quy định lãi suất cho vay của Agribank, phù hợp với quy định lãi suất cho vay của Agribank chi nhánh ĐA từng thời kỳ, được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Hai bên thống nhất trong thời gian vay vốn, việc điều chỉnh lãi suất không cần hai bên ký phụ lục hợp đồng, bên A (ngân hàng) sẽ chủ động thực hiện và thông báo cho bên B (bên vay) bằng văn bản.

Ngày 30/7/2018 Agribank Chi nhánh ĐA và bà Nguyễn Thị T1 ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201900563/PLHĐ 01 về việc gia hạn nợ gốc, lãi cho bà Nguyễn Thị T1.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng Nguyên đơn đã nhiều lần giải ngân cho bà Nguyễn Thị T1. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng. Do vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng như trên là phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 nên được chấp nhận.

[3.2] Về hợp đồng thế chấp: Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Bị đơn không trả nợ đúng hạn, xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/09/2016 giữa hộ gia đình ông Nguyễn Chu P và Ngân hàng Agribank Chi nhánh ĐA có số công chứng: 1068/TC/2016 Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 30/7/2018, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3TB, diện tích 246 m² tại

địa chỉ: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 082947 do Ủy ban nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/02/1998 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Chu P. Gia đình ông Nguyễn Chu P đã tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C đối với các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có.

Bà Nguyễn Thị T1 khi ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Nguyên đơn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn Chu P và bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 466, 468, 470, 317, 318, 323 và 299 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006.
- Điều 6, 7, 9, 9A, 30 của Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số **3140-LAV-201705502** ngày 13/10/2017 đối với bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 29/04/2022 là **7.792.791.008** (bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm linh tám) đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là **5.514.760.000** đồng; số tiền lãi là **2.278.031.008** đồng (số tiền lãi trong hạn: **1.508.825.558** đồng; số tiền lãi quá hạn: **655.598.027** đồng; số tiền lãi chậm trả lãi: **113.607.424** đồng).

- Kể từ ngày 30/4/2022, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201705502 ngày 13/10/2017.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3TB, diện tích 246 m² tại địa chỉ: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 082947 do ủy ban nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/02/1998 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Chu P để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C phải tiếp tục có trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chu P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Chu H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Chu C phải chịu toàn bộ tiền án phí là 115.792.791 (một trăm mười năm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi một) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Chia kỷ phần cho mỗi người phải chịu tiền án phí là 19.298.800 đồng. Do ông Nguyễn Chu P và bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên không phải chịu tiền án phí.

Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam 57.315.000 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm mười năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0008540 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 9A Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Người đại diện hợp pháp cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND ĐA.
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Trung Trực